

Bản án số: 845/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 16-8-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

2. Ông Phan Trịnh Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 654/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3072/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: A2-4-14 (3.14) chung cư A, đường B, khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Phú Nam Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: A2-4-14 (3.14) chung cư A, đường B, khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Phạm Phú Nam Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, cấp ngày 07/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể chia sẻ được với nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không cùng quan điểm nuôi dạy con và ông Đ có những lần không kiềm chế được cảm xúc khi dạy con, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể nói chuyện với nhau, cuộc sống gia đình rất ngột ngạt và khó chịu. Hai bên sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2020 đến nay và không hàn gắn tình cảm được.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ vì ông Đ không tôn trọng vợ và có những lời lẽ xúc phạm bà N, ông Đ nuôi dạy con không hợp lý gây ảnh hưởng tâm lý của các con.

- Về con chung: «yeu_cau_»

Bị đơn ông Phạm Phú Nam Đ trình bày:

Ông và bà Lê Thị N chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, cấp ngày 07/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà N có người đàn ông khác bên ngoài. Ông Đ và bà N không có mâu thuẫn gì với nhau và không có lý do gì để ly hôn. Những lời lẽ bà N trình bày về mâu thuẫn vợ chồng để dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân là không đúng. Ông Đ không đồng ý với việc bà N trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn của hai bên.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị N.

- Về con chung: «yeu_cau_»

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 654/2023/HNGĐ-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị N đối với ông Phạm Phú Nam Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120, cấp ngày 07/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K cấp cho bà Lê Thị N và ông Phạm Phú Nam Đ không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Phú Minh H, sinh ngày 23/3/2011 và Phạm Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/12/2013.

Giao 02 (hai) con chung tên Phạm Phú Minh H, Phạm Ngọc Khánh T cho bà Lê Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Phạm Phú Nam Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Phạm Phú Minh H 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) và trẻ Phạm Ngọc Khánh T 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng). Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/6/2023 cho đến khi trẻ H, trẻ T thành niên và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị N, nếu ông Phạm Phú Nam Đ không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Lê Thị N và ông Phạm Phú Nam Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Lê Thị N và ông Phạm Phú Nam Đ thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 30/5/2023, bị đơn ông Phạm Phú Nam Đ làm đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, giao 01 hoặc 02 con cho ông Đ nuôi dưỡng, không cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị N đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Phạm Phú Nam Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được các vấn đề giải quyết vụ án như sau:

Về con chung: Ông Phạm Phú Nam Đ đồng ý giao 02 con chung tên Phạm Phú Minh H, sinh ngày 23/3/2011 và Phạm Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/12/2013 cho bà Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đ làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm do các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc kháng cáo. Do đó, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự, chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Phú Nam Đ kháng cáo yêu cầu được nuôi 01 hoặc 02 con, không cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà N. Xét đơn kháng cáo của ông Đ làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo:

Do tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được về các vấn đề như sau:

- Về con chung: Ông Phạm Phú Nam Đ đồng ý giao 02 con chung tên Phạm Phú Minh H, sinh ngày 23/3/2011 và Phạm Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/12/2013 cho bà Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét, sự thỏa thuận trên của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là có cơ sở.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Đ không cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên ông Đ không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đ được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 293; Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Phú Nam Đ.

2. Sửa bản án sơ thẩm số 654/2023/HNGĐ-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị N đối với ông Phạm Phú Nam Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120, cấp ngày 07/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K cấp cho bà Lê Thị N và ông Phạm Phú Nam Đ không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Phú Nam Đ đồng ý giao 02 con chung tên Phạm Phú Minh H, sinh ngày 23/3/2011 và Phạm Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/12/2013 cho bà Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Bà Lê Thị N và ông Phạm Phú Nam Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà Lê Thị N và ông Phạm Phú Nam Đ thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) bà Lê Thị N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) bà N đã nộp theo biên lai thu số 0009780 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông Phạm Phú Nam Đ không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Phạm Phú Nam Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0011402 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận T, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Linh/14b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh

**Lê Phan Thị Minh
Nguyệt**

Lưu Thị Thủy Tiên